

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ**

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.*

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

1. Khoản 1 Điều 3 sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Ngành đào tạo trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh là ngành quy định trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”

2. Điều 4 sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 4. Giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng**

1. Giảng viên cơ hữu trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh được quy định như sau:

a) Giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục công lập là viên chức được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo quy định của pháp luật về viên chức;

b) Giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục tư thục là người lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn 3 năm hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo Bộ luật lao động, không là công chức hoặc viên chức nhà nước, không đang làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác; do cơ sở giáo dục trả lương và chi trả các khoản khác thuộc chế độ, chính sách đối với người lao động theo các quy định hiện hành.

2. Giảng viên thỉnh giảng trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh phải có trình độ từ thạc sĩ hoặc tương đương trở lên, có ký hợp đồng thỉnh giảng theo quy định về chế độ giảng viên thỉnh giảng trong các cơ sở giáo dục và các quy định hiện hành liên quan khác, được cơ sở giáo dục trả lương, thù lao theo hợp đồng thỉnh giảng.

3. Giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng quy đổi trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh là giảng viên có chức danh hoặc trình độ khác nhau của cơ sở giáo dục được quy đổi theo hệ số như sau:

Trình độ	Hệ số giảng viên cơ hữu		Hệ số GV thỉnh giảng
	Cơ sở giáo dục đại học	Trường trung cấp, cao đẳng	
- Giảng viên có trình độ đại học	0,3	1,0	0,0
- Giảng viên có trình độ thạc sĩ	1,0	1,5	0,2
- Giảng viên có trình độ tiến sĩ	2,0	2,0	0,4
- Giảng viên có chức danh phó giáo sư	3,0	3,0	0,6
- Giảng viên có chức danh giáo sư	5,0	5,0	1,0

a) Đối với khối ngành nghệ thuật, giảng viên là nghệ sĩ nhân dân có bằng đại học cùng ngành với ngành tham gia đào tạo được tính chỉ tiêu như giảng viên có trình độ tiến sĩ; giảng viên là nghệ sĩ ưu tú có bằng đại học cùng ngành với ngành tham gia đào tạo được tính chỉ tiêu như giảng viên có trình độ thạc sĩ.

b) Đối với khối ngành sức khỏe, giảng viên có bằng chuyên khoa cấp II các chuyên ngành thuộc ngành tham gia đào tạo được tính chỉ tiêu như giảng viên có trình độ tiến sĩ; giảng viên có bằng bác sĩ nội trú, bằng chuyên khoa cấp I các chuyên ngành thuộc ngành tham gia đào tạo được tính chỉ tiêu như giảng viên có trình độ thạc sĩ.”

3. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Số lượng giảng viên cơ hữu quy đổi theo khối ngành gồm: giảng viên cơ hữu ngành quy đổi và giảng viên cơ hữu môn chung quy đổi của khối ngành đó. Trong đó, số lượng giảng viên cơ hữu môn chung quy đổi của khối ngành được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng giảng viên cơ hữu môn chung quy đổi của khối ngành } i \\ \text{= Tổng số giảng viên cơ hữu môn chung quy đổi của cơ sở giáo dục} \times \frac{\text{Số lượng giảng viên cơ hữu ngành quy đổi của khối ngành } i}{\text{Tổng số giảng viên cơ hữu ngành quy đổi của tất cả khối ngành của cơ sở giáo dục}} \end{array}$$

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a và bổ sung điểm d khoản 1 Điều 6 như sau:

“a) Sinh viên chính quy trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh gồm: sinh viên đại học theo hình thức chính quy, sinh viên cao đẳng và học sinh trung cấp các ngành đào tạo giáo viên theo hình thức chính quy, sinh viên liên thông theo hình thức chính quy, sinh viên văn bằng hai đào tạo theo hình thức chính quy, không bao gồm sinh viên cử tuyển đại học chính quy;

d) Sinh viên bị sàng lọc là sinh viên đã nhập học vào cơ sở giáo dục nhưng sau thời gian đào tạo tiêu chuẩn (thời gian thiết kế cho chương trình đào tạo) chưa đủ điều kiện được công nhận tốt nghiệp hoặc không còn tiếp tục theo học tại cơ sở giáo dục.

5. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

#### **“Điều 7. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy**

1. Cơ sở giáo dục xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy theo quy định của Thông tư này, công bố công khai và chịu trách nhiệm giải trình về chỉ tiêu tuyển sinh đã xác định, các tiêu chí xác định chỉ tiêu, chất lượng đào tạo và cam kết chuẩn đầu ra đáp ứng nhu cầu xã hội.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy hàng năm được xác định bằng tổng quy mô đào tạo chính quy xác định trên cơ sở năng lực của từng khối ngành, đáp ứng đồng thời các tiêu chí quy định tại Điều 6 của Thông tư này trừ đi tổng quy mô sinh viên chính quy đang đào tạo tại cơ sở giáo dục và cộng thêm số sinh viên dự kiến sẽ tốt nghiệp trong năm tuyển sinh.

3. Đối với các ngành đào tạo mới được mở ngành trong năm tuyển sinh, chỉ tiêu được xác định cho ngành đó không vượt quá 30% năng lực đào tạo của ngành theo quy định.

4. Đối với ngành đào tạo có chương trình đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 52 Luật Giáo dục đại học, có nghị quyết thông qua chủ trương xác định chỉ tiêu tuyển sinh của hội đồng trường thì được tự chủ xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo cam kết về chất lượng của chương trình đào tạo và nhu cầu xã hội đối với ngành đó, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này nhưng không vượt quá 120% chỉ tiêu đào tạo của ngành đó trong năm trước liền kề; phải công bố công khai trong đề án tuyển sinh và chịu trách nhiệm giải trình trước xã hội và cơ quan có thẩm quyền.

5. Đối với cơ sở giáo dục trong ba năm liền kề không vi phạm quy định về tuyển sinh, được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành, có nghị quyết thông qua chủ trương xác định chỉ tiêu tuyển sinh của hội đồng trường thì được tự chủ xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo cam kết về chất lượng đào tạo, nhu cầu xã hội và các quy định sau:

a) Chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở giáo dục được xác định theo năng lực đào tạo quy định tại khoản 2 Điều này; sau đó, ngành có chương trình đã kiểm định được tính theo quy định tại khoản 4 Điều này; ngành chưa có chương trình kiểm định không được tăng chỉ tiêu hoặc được tăng không quá 10% so

với năm trước liền kề nếu kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong một năm kể từ khi tốt nghiệp đạt tỷ lệ từ 90% trở lên (căn cứ vào kết quả kiểm định và kết quả khảo sát sinh viên có việc làm hàng năm của cơ sở giáo dục).

b) Nếu tỷ lệ việc làm trung bình của sinh viên trong một năm kể từ khi tốt nghiệp đạt từ 90% trở lên (căn cứ vào kết quả kiểm định và kết quả khảo sát sinh viên có việc làm hàng năm của cơ sở giáo dục), có sinh viên bị sàng lọc thì sau khi xác định chỉ tiêu theo điểm a khoản này còn được xác định chỉ tiêu tuyển sinh tăng thêm không quá 25% số trung bình cộng của sinh viên bị sàng lọc trong bốn năm trước liền kề năm tuyển sinh. Nếu cơ sở giáo dục chưa đủ bốn năm có sinh viên tốt nghiệp thì tính số trung bình cộng sinh viên bị sàng lọc của các khóa đã tốt nghiệp.

6. Cơ sở giáo dục chưa được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành thì không tăng chỉ tiêu tuyển sinh so với năm trước liền kề; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

7. Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo liên thông đại học chính quy nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy và được xác định theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học.”

6. Điểm b khoản 1 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo liên thông đại học vừa làm vừa học nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh đại học vừa làm vừa học và được xác định theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học.”

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2019.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc sở giáo dục - khoa học và công nghệ; Giám đốc đại học, học viện; Hiệu trưởng trường đại học; Hiệu trưởng trường cao đẳng, Hiệu trưởng trường trung cấp tuyển sinh nhóm ngành đào tạo giáo viên chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD-TNTNND của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo TƯ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDĐH.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Lê Hải An**

